TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2024/HS-ST
Ngày 29-01-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà H Win Niê

2. Ông Nguyễn Văn Lam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2024/TLST-HS ngày 08/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS ngày 15/01/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Văn T**, sinh ngày 12/8/1986, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng L, sinh năm 1948 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1950; vợ tên Nguyễn Thị Bé Y (đã ly hôn); bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014;

Tiền án: 01 Tiền án, năm 2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm cải tạo không giam giữ về tội "Cố ý gây thương tích", bị cáo chấp hành án cải tạo không giam giữ từ ngày 13/5/2021 đến ngày 08/6/2023 thì phạm tội mới.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 06/01/2016, bị cáo bị Công an thị xã B xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi đánh nhau, bị cáo đã nộp phạt xong.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975; trú tại: Thôn C, xã Đ, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)

2. Bà Phạm Trần Phương Th, sinh năm 2003; trú tại: Thôn G, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

3. Ông Bùi Minh T1, sinh năm 1969; trú tại: Thôn T, xã Q, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1987; trú tại: Thôn T, xã Q, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Chiến Th1, sinh năm 1995; trú tại: Tổ dân phố H, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

6. Bà Trần Thị Th2, sinh năm 1983 và ông Lương Minh Đ, sinh năm 1984; Cùng trú tại: Tổ dân phố R, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 4/2023, Hoàng Văn T thuê nhà của anh Lương Minh Đ tại địa chỉ số 06 Trần P, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để mở dịch vụ xông hơi, xoa bóp lấy tên là Massage Víp K. Tài có nhờ Nguyễn Chiến Th1 (sinh năm 1995, trú tại Tổ dân phố H, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk) đứng tên làm hợp đồng thuê nhà, đăng ký giấy phép kinh doanh. Sau đó T tuyển dụng hai nhân viên nữ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975 và Phạm Trần Phương Th, sinh năm 2003 làm nhân viên xông hơi, masage. Giữa tháng 4/2023 cơ sở Masage Vip K bắt đầu hoạt động, T trực tiếp quản lý, bán vé, sắp xếp phòng và gọi nhân viên phục vụ khách. T và nhân viên thống nhất khi làm việc tại cơ sở masage, H1 và Th không có lương cố định hàng tháng, mà thu nhập của họ đến từ tiền bo của khách, T chỉ bố trí chỗ ăn, ở sinh hoạt.

Quá trình quản lý T nghe H1 và Th nói thỉnh thoảng có khách đến xông hơi, xoa bóp có nhu cầu mua dâm nên cả hai xin T được bán dâm cho khách. Do cơ sở của T

mới mở, không có nhiều khách đến xông hơi, xoa bóp nên thu nhập nhân viên nữ không nhiều, không đủ chi phí sinh hoạt, do đó T đã đồng ý cho họ bán dâm. Sau đó T, H1 và Th có thỏa thuận khi khách có nhu cầu mua dâm thì phải thông báo cho T biết và phải được sự đồng ý của T thì mới được bán dâm, địa điểm bán dâm có thể tại cơ sở của T hoặc địa điểm khác. Mỗi lần khách đến mua dâm, H1 và Th tự thỏa thuận giá cả và nhận tiền của khách. Ban đầu H1 với Th nói sẽ chia cho Tài 50:50 nhưng sau đó do khách ít nên T chỉ lấy 100.000 đồng đến 200.000 đồng để phụ tiền điện nước và các chi phí khác.

Khoảng 17 giờ, ngày 08/6/2023, Bùi Minh T1, sinh năm 1969 và Nguyễn Văn C, sinh năm 1987 đến cơ sở của Tài để masage. T1 và C đưa cho T số tiền 700.000 đồng mua hai vé masage với giá 600.000 đồng và cho T thêm 100.000 đồng. T sắp xếp T1 vào phòng 1, C vào phòng 2 rồi gọi cho H1 vào phục vụ T1, Th phục vụ C. Quá trình massage, T1 hỏi mua dâm H1 đồng ý bán với giá 1.000.000 đồng nhưng nói T1 phải được sự đồng ý của T. Nghe H1 nói vậy, T1 đi ra phòng lễ tân gặp T nói T1 muốn mua dâm H1 tại cơ sở với giá 1.000.000 đồng, T đồng ý. Sau đó H1 dẫn T1 đến phòng cuối cùng, phòng không đánh số của cơ sở Massage Vip K để mua bán dâm. Khi vào trong phòng, T1 lấy ra số tiền 1.000.000 đồng đưa cho H1 để trả tiền mua dâm, H1 lấy 01 bao cao su đưa cho T1 để quan hệ với H1. Cùng lúc này Th nói T cho Th bán dâm với C tại cơ sở nhưng T không đồng ý nên Th vào phòng tiếp tục masage cho C. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, trong lúc H1 và T1 đang quan hệ tình dục tại phòng của cơ sở thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang. Tại phòng Th và C Cơ quan Công an kiểm tra phát kiện Th đang thực hiện hành vi kích dục cho C.

Vật chứng vụ án:

+ Số tiền 1.000.000 đồng là số tiền T1 đưa cho H1 để mua dâm;

+ 02 bao cao su hiệu Dolphi (01 cái đã qua sử dụng; 01 cái chưa sử dụng);

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 40D8006643 mang tên Nguyễn Chiến Th1 (bản phô tô); 02 hợp đồng lao động của Phạm Trần Phương Th và Nguyễn Thị H1;

+ 01 đầu ghi camera màu trắng, mặt trên có ghi chữ nước ngoài; mặt sau có tem mã vạch các chữ số 4D0391PBQ6637D.

Bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 05/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội "Chứa mại dâm" theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và khẳng định hành vi của bị cáo Hoàng Văn T đủ yếu tố cấu thành tội "Chứa mại dâm". Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn Tài từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án số 102/2021/HSPT ngày 12/4/2021, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù là 03 tháng 21 ngày.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng như quyết định truy tố của cáo trạng.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, bị cáo không có tranh luận, bào chữa gì và nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về tội "Chứa mại dâm".

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều khai nhận tội đúng như nội dung bản cáo trạng. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 08/6/2023, Hoàng Văn T đã dùng căn phòng của cơ sở Massage K bố trí cho Nguyễn Thị H1 mua bán dâm với Bùi Minh T1 để thu lợi bất chính.

Vậy hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Chứa mại dâm" theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào chứa mại dâm thì phạt tù từ 01 năm đến 05 năm"

[3] Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng, đạo đức xã hội mà còn xâm phạm đến đời sống văn hóa, thuần phong mỹ tục của nhân dân. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án vào năm 2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm cải tạo không giam giữ về tội "Cố ý gây thương tích", bị cáo chấp hành án cải tạo không giam giữ từ ngày 13/5/2021 chưa chấp hành xong án cải tạo không giam giữ mà lại phạm tội mới, do đó bị cáo phải chịu tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, số tiền thu lợi bất chính đã được giao nộp trong quá trình điều tra, bị cáo có mẹ ruột tham gia kháng chiến chống Mỹ, được Chủ tịch nước tặng huy chương kháng chiến hạng nhất năm 2012, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Xét tính chất vụ án, vai trò hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo trong thời gian đang chấp hành án cải tạo không giam giữ lẽ ra bị cáo phải nhận thấy hành vi của mình là sai trái tuy nhiên vì ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo để trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có nghề nghiệp thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 bao cao su (01 cái đã qua sử dụng, 01 cái chưa qua sử dụng). Đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy là phù hợp với khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Đối với số tiền 1.000.000 đồng đây là số tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp với khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Đối với 01 đầu ghi camera màu trắng, mặt bên có ghi chữ nước ngoài, mặt sau có tem mã vạch có các chữ số 4D0391PBQ6637D, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trích xuất dữ liệu liên quan đến nội dung vụ án nên trả lại cho Hoàng Văn T là chủ sở hữu hợp pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Đối với giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 40D8006643 mang tên Nguyễn Chiến Th1 (bản phô tô); 02 hợp đồng lao động của Phạm Trần Phương Th và Nguyễn Thị H1 lưu kèm hồ sơ vụ án.

Đối với hành vi để xảy ra hoạt động mua, bán dâm và kích dục ở cơ sở kinh doanh, dịch vụ do Nguyễn Chiến Th1 đứng tên đại diện theo pháp luật, Công an huyện K đã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ra quyết định xử phạt hành chính đối với Th1 là phù hợp.

Đối với hành vi bán dâm của Nguyễn Thị H1 và Phạm Trần Phương Th, hành vi mua dâm của Bùi Minh T1 và Nguyễn Văn C, Công an huyện K ra quyết định xử phạt hành chính là phù hợp.

Đối với căn phòng mà bị cáo sử dụng làm địa điểm chứa mại dâm. Kết quả điều tra cho thấy, đây là tài sản thuộc sỡ hữu của ông Lương Minh Đ, bà Trần Thị Th2 việc bị cáo sử dụng căn phòng để mua bán dâm thì ông Đ, bà Th2 không biết do đó Công an điều tra Công an huyện K không xử lý là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Hoàng Văn T** phạm tội "Chứa mại dâm".

[1] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn T **12 tháng tù**. Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt bản án số 102/2021/HSPT ngày 12/4/2021 của Tòa án

nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 03 năm cải tạo không giam giữ được tính từ ngày 15/3/2021, đến ngày 08/6/2023 bị cáo phạm tội mới, vậy bị cáo đã chấp hành xong 24 tháng 25 ngày án cải tạo không giam giữ, thời gian còn lại bị cáo phải chấp hành là 11 tháng 05 ngày án cải tạo không giam giữ, quy đổi sang án phạt tù thì bị cáo còn phải chấp hành 03 tháng 21 ngày tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **15 tháng 21 ngày tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/6/2023 đến ngày 14/6/2023.

[2] Về xử lý vật chứng: *Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.*

+ Tịch thu và tiêu hủy 02 bao cao su (01 cái đã qua sử dụng, 01 cái chưa qua sử dụng).

+Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 đồng.

+ Trả lại 01 đầu ghi camera màu trắng, mặt bên có ghi chữ nước ngoài, mặt sau có tem mã vạch có các chữ số 4D0391PBQ6637D cho Hoàng Văn T là chủ sở hữu hợp pháp.

[3] Về án phí: *Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

Bị cáo Hoàng Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. K;
- Công an H. K;
- Chi cục THADS H. K;
- Bị cáo; đương sự liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Anh Tuấn